

CHÍNH PHỦ
Số: 191-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH

Về ban hành quy chế hình thành, thẩm định và thực hiện dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tư pháp;

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1

Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế Hình thành, thẩm định và thực hiện Dự án Đầu tư trực tiếp của nước ngoài.

Điều 2

Bãi bỏ Quy định về chế độ thẩm định dự án có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài ban hành kèm theo quyết định số 366-HĐBT ngày 7-11-1991 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và những quy định khác trái với Nghị định này.

Điều 3

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

Điều 4

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có liên quan chịu trách nhiệm hướng dẫn chi tiết việc thi hành Quy chế ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 5

Bộ trưởng các Bộ, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng cơ quan Trung ương của

các đoàn thể quần chúng có trách nhiệm thi hành Nghị định này.

QUY CHẾ
HÌNH THÀNH, THẨM ĐỊNH VÀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
CỦA NƯỚC NGOÀI

*(Ban hành kèm theo Nghị định số 191-CP ngày 28-12-1994
của Chính phủ)*

Quy chế này quy định việc hình thành, thẩm định và thực hiện các dự án đầu tư theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, bao gồm cả các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng khu chế xuất, khu công nghiệp và các dự án xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1

Trên cơ sở quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư công bố Danh mục dự án kêu gọi đầu tư nước ngoài trong từng thời kỳ.

Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư ban hành Mẫu hồ sơ dự án đầu tư, tiêu chuẩn chủ yếu của một số loại dự án nhằm hướng dẫn chủ đầu tư chuẩn bị Dự án.

Điều 2

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ) thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trong lĩnh vực đầu tư trực tiếp của nước ngoài, chủ yếu thông qua các hoạt động sau đây:

Ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành pháp luật, các tiêu chuẩn, quy trình, quy phạm và định mức kinh tế, kỹ thuật thuộc thẩm quyền;

Quy định các thủ tục hành chính cụ thể, rõ ràng, giảm đến mức tối đa thủ tục xin và cho phép đối với từng công việc cụ thể;

Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của Nhà nước, các quy định do Bộ ban hành; xử lý các vi phạm thuộc thẩm quyền.

Điều 3

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) thực hiện chức năng quản lý Nhà nước phù hợp với các quy định của Nhà nước và các Bộ, trong đó xác định danh mục dự án kêu gọi đầu tư, mức tiền thuê đất trên các địa bàn, đầu mối giải quyết từng việc cụ thể, thời hạn hoàn thành các thủ tục.

Điều 4

Doanh nghiệp Việt Nam thuộc mọi thành phần kinh tế khi đàm phán ký kết hợp đồng đầu tư với bên nước ngoài, phải có những điều kiện sau đây:

- 1- Được thành lập theo quy định của pháp luật;
- 2- Có quyền sở hữu hợp pháp tài sản dự định góp vốn; trong trường hợp sử dụng công sản để góp vốn; phải được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép;
- 3- Có quyền sử dụng đất hợp pháp hoặc đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép sử dụng đất để hợp tác đầu tư với nước ngoài;
- 4- Có cán bộ hiểu biết pháp luật đầu tư.

CHƯƠNG II

THẨM ĐỊNH DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 5

Nội dung thẩm định Dự án Đầu tư bao gồm:

- 1- Tư cách pháp lý, năng lực tài chính của chủ đầu tư nước ngoài và Việt Nam;
- 2- Mức độ phù hợp của mục tiêu dự án với quy hoạch, phương hướng phát triển kinh tế - xã hội;
- 3- Lợi ích của Nhà nước Việt Nam và bên Việt Nam:
Khả năng tạo năng lực sản xuất mới, ngành nghề mới và sản phẩm mới, mở rộng thị trường;
Khả năng tạo việc làm cho người lao động;
Nguồn thu tài chính;
- 4- Trình độ kỹ thuật và công nghệ áp dụng, sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái;

5- Tính hợp lý của việc sử dụng đất, phương án đền bù giải phóng mặt bằng, định giá tài sản góp vốn của bên Việt Nam (nếu có);

6- Các mức thuế, tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển và các ưu đãi.

Điều 6

Việc xét duyệt Dự án Đầu tư được quy định như sau:

1- Thủ tướng Chính phủ quyết định các dự án Nhóm A bao gồm:

Xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, các dự án BOT;

Các dự án có vốn đầu tư từ 40 triệu đôla Mỹ trở lên thuộc các ngành điện, khai khoáng, dầu khí, luyện kim, xi măng, hoá chất, cơ khí, điện tử, cảng biển, sân bay, viễn thông, trung tâm thương mại, khu văn hoá, du lịch, kinh doanh bất động sản;

Các dự án văn hoá, báo chí, xuất bản;

Các dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh;

Các dự án sử dụng đất đô thị từ 5 hécta trở lên và các loại đất khác từ 50 hécta trở lên.

2- Chủ nhiệm Ủy ban nhà nước về Hợp tác và Đầu tư quyết định dự án Nhóm B là các dự án không thuộc Nhóm A được quy định tại Khoản 1 Điều này.

3- Việc xét cho thuê đất thực hiện dự án được tiến hành cùng với việc thẩm định dự án.

Điều 7

Việc thẩm định Dự án Đầu tư được quy định như sau:

Đối với dự án Nhóm A, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư lấy ý kiến Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ có liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Trong trường hợp các Bộ có ý kiến khác nhau về những vấn đề quan trọng của dự án, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư được thành lập Hội đồng tư vấn gồm đại diện có thẩm quyền của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, các Bộ có liên quan và các chuyên gia để xem xét dự án trước khi trình Thủ tướng Chính phủ. Tùy từng trường hợp cụ thể, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu Hội đồng thẩm định cấp Nhà nước nghiên cứu và tư vấn để Thủ tướng xem xét, quyết định.

Đối với dự án Nhóm B, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về Hợp tác và Đầu tư lấy ý kiến Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ có liên quan trước khi xem xét, quyết định.